

CÔ HY KHOAN

NGUYỄN KHẮP NƠI



Ba tôi làm công chức, vì nhu cầu công vụ, ba tôi đã được luân phiên đổi đi làm việc ở nhiều tỉnh của Miền Trung. Vì thế, thừa nhỏ, tôi được học ở rất nhiều trường khác nhau: Đệ Thất, Đệ Lục, tôi học ở trường Đồng Khánh, Huế. Qua lớp Đệ Tứ, tôi học ở Nha Trang và cuối cùng, sau khi đậu Tú Tài, tôi được vào Saigon học Luật. Mỗi buổi sáng Chủ Nhật, tôi thường đến dự thánh lễ lúc 10 giờ sáng ở Nhà thờ Đắc Lộ, trên đường Trương Minh Giảng. Lý do mà tôi thích đến dự lễ ở đây là vì, đa số giáo dân đến vào giờ này đều là những người trẻ tuổi, những sinh viên đại học, những người cùng một tuổi và cùng một trình độ với tôi, nên chúng tôi rất dễ thông cảm và làm bạn với nhau. Lý do thứ hai là cha xứ không giảng đạo theo hình thức thông thường là đứng trên bục rồi giáo dân ngồi ở dưới nghe và đọc kinh theo, mà cha cho xếp ghế theo hình tròn để cùng nhau ngồi mà thảo luận. Ai đến sớm thì còn ghế, ai đến trễ thì cứ việc tìm ghế tìm chỗ mà ngồi chen vào. Cuối năm 1972, mùa thi đầu tiên của năm thứ nhất của tôi.

Tôi và các bạn bè hồi hộp học gạo học tủ, một số khác đi làm quen các sinh viên đàn anh đàn chị để hỏi kinh nghiệm và tìm đề thi cũ mà học theo. Không những đám con gái chúng tôi lo thi cử, mà đám Sinh viên con trai lại càng lo hơn nữa, vì chỉ có thi đầu thì mới được tiếp tục hoãn dịch để học cho đến khi tốt nghiệp, lơ mơ mà thi rớt thì chỉ còn cách . . . “Đường Trường Xa” đếm bước mà thôi. Tôi từ Nha Trang vào Sài Gòn, không quen biết ai, nên chẳng có cách nào mà học hỏi kinh nghiệm, thôi thì cứ theo cách thức cổ điển là học hết đủ mọi bài là xong. Khôn nổi, bẻ học Luật thật là mênh mêng, Giáo sư lại chỉ giảng qua loa rồi đưa ra một đống sách để tham khảo, làm sao mà tôi có thể đọc cho hết? Ngồi dự thánh lễ Chủ Nhật mà tôi cứ bồn chồn nghĩ tới kỳ thi sắp tới, nên vừa hết thánh lễ là tôi vọt ra leo lên chiếc Honda Dame đạp máy để chạy tới thư viện cho kịp. Tôi đang gấp mà nhè cái xe lại dờ chừng, tôi đạp máy đã mỏi cả chân rồi mà máy xe vẫn không nổ. Chưa bao giờ tôi gặp trường hợp này, vì tôi có dây kèm cho một cô gái nhỏ mà ba của cô là thợ sửa xe Honda, nên mỗi lần đến dạy học là xe của tôi lại được kiểm soát kỹ càng lắm, không bao giờ có chuyện chết máy dọc đường. Tôi gạt chân chống dựng xe tìm cách sửa, nhưng đến cái mô tơ xe tôi còn không biết nó nằm ở đâu, thì làm sao mà tôi biết sửa nó cho được. Nên tôi đành đưa mắt nhìn chung quanh cầu cứu. Các bạn bè dự lễ còn nhanh hơn tôi nữa, trong sân nhà thờ chẳng còn ai để mà cứu ứng cho tôi. Đang khi tôi đứng lóng nhóng không biết làm gì, bất chợt, một giọng nói vang lên sau lưng tôi: “Xe của cô không nổ máy hả? Cô có cần tôi giúp gì không?” Tôi quay lại nhìn, một người con trai lạ hoắc đang đứng kế bên tôi, vừa nhìn chiếc xe, vừa nhìn tôi dò hỏi. Tôi ấp úng trả lời: “Dạ . . . chiếc xe của tôi không biết tại sao mà lại không chịu nổ máy, mà tôi lại có hẹn với đám bạn để cùng học thi . . .” Tôi định mở miệng nhờ anh ta sửa xe dùm, nhưng nhìn lại anh chàng đang đứng trước mặt tôi, anh ta dáng cao gầy lại còn đeo kính trắng nữa, chẳng có vẻ gì là thợ sửa xe cả, chắc là chỉ hỏi tôi cho vui vậy thôi chứ cỡ như anh thì nhiều lắm là biết chạy xe như tôi thôi chứ làm gì có chuyện anh sửa được chiếc xe. Nhưng bí lối quá, tôi đành phải nhờ vả: “Xin anh coi dùm . . . nếu được thì . . . sửa dùm tôi . . .” Anh đeo kính trắng thò tay vào trong túi quần rút ra một cái gì màu trắng, quay quay trên ngón tay mà giảng cho tôi bài học về sửa xe: “Xe chết máy, chỉ có hai lý do: Xăng và lửa. Xe cô đổ xăng lâu chưa?” “Dạ, tôi mới đổ đầy bình chiều hôm qua.” “Nếu vậy thì chỉ còn có lửa mà thôi. Có thể là bugi bị nghẹt hoặc bị chết, để tôi mở ra xe sao.” Nói rồi, anh thò tay vào chỗ gắn bugi xe, dứt cái dây cao su cho nó rớt ra, rồi đưa cái mà tôi tưởng là cây viết vào đó mà lấy sức tháo cái bugi ra. Một tay anh cầm bugi, tay kia anh lấy khăn mùi soa ra lau cái chốt nhỏ ở trên cho thật sạch, anh lại thò tay vào trong túi quần lấy ra một miếng giấy nhám luôn vào trong cái chốt nhỏ mà mài nhẹ nhẹ. Xong rồi, anh đưa cái bugi lên ngang mắt mà ngắm nhìn cái gì đó, rồi kê miệng thổi một hơi mạnh vào cái chốt, nói với tôi: “Bugi xe hơi bị nghẹt xăng một chút, tôi đã lau cho nó khô rồi, còn chùi đầu nắp lửa nữa, chắc là máy sẽ nổ ngay đây.” Nói xong, anh gắn cái bugi vào trong xe, xiết chặt, đẩy cái nắp cao su vào như cũ, rồi leo lên xe đạp nhẹ một cái. Tiếng máy xe nổ hơi lớn một chút, khói tuôn ra từ ống bô ra đen ngòm, một lúc sau thì khói đen hết phun ra và máy xe nổ nhẹ nhàng êm tai

như mới. Tôi mừng quá, hóa ra anh ta là thợ sửa xe lành nghề đội lột thư sinh. Tôi nhận lại chiếc xe từ tay anh, vui vẻ nói lời cảm ơn: "Anh sửa xe giỏi quá, cứ như là thợ sửa xe chính gốc vậy. Anh có thường đến nhà thờ không? Đề khi nào thi xong, thế nào tôi cũng xin thọ giáo anh cái nghề này." Anh cũng vui vẻ trả lời tôi: "Nghề gì đâu! Chẳng qua tôi chạy xe bị hư riết nên tự biết cách sửa mà thôi. Cô đang học thi hả? Cô học phân khoa nào?" "Tôi học Luật anh ạ, thì lần đầu tiên, lại chẳng quen ai để hỏi bài, nên càng lo hơn." "Cô học năm thứ Nhất Luật hả? Nếu cô muốn hỏi về các đề thi cũ, tôi cũng có một ít bài, để tôi cho cô mượn." "Anh học Luật hả? Anh cũng học năm thứ nhất nữa sao?" "Không, tôi học năm cuối, đang lo thi ra trường." Thế là tôi và anh Đức quen nhau, anh cho tôi mượn những bài học cũ của anh và vài đề thi cũ để tìm cách trả lời. Mỗi sáng Chủ Nhật, đám bạn của tôi thay vì đến thư viện Pháp để học, tụ nó theo tôi đến nhà thờ ngồi học với nhau ở hàng hiên, chữ nào không hiểu lại hỏi anh Đức. Học đầy đầu rồi, chúng tôi rủ nhau ra ngoài ăn hàng rồi lại trở vào thư viện trường Đắc Lộ học tiếp. Kết quả đưa ra, chúng tôi đều đậu hết, lên năm thứ hai, còn anh Đức, anh tốt nghiệp Cử Nhân Luật, ban Tư Pháp. Ngày nhật chứng chỉ tốt nghiệp, anh Đức mời tôi đi ăn mừng. Ngâm miêng kem dừa mát lạnh ở tiệm kem bên hông Hồ Con Rùa (Đài Kỷ Niệm Quốc Tế Viện Trợ, đường Duy Tân, gần trường Luật), tôi hỏi anh Đức về dự tính tương lai, anh tính đi tập sự Luật sư hay thi vào khóa Thâm Phán? Tôi chung hứng khi nghe anh nói: "Anh còn được hoãn dịch học vấn một năm nữa để học Cao học hoặc lo dự thi vào Đốc Sự Hành Chánh hoặc Thâm phán, nhưng anh muốn nhập ngũ." Tôi nói ra suy nghĩ của tôi, suy nghĩ của một người con gái: "Phục vụ tổ quốc có nhiều cách, làm Luật Sư bào chữa cho người bị hàm oan, cũng là phục vụ tổ quốc. Làm Chánh án, Biện lý kết án kẻ phạm tội, cũng là phục vụ tổ quốc. Em nghe nói quân đội cũng có ngành Quân Pháp, nếu anh muốn nhập ngũ, xin vào phục vụ ở Tòa Án Quân Sự, cũng là phục vụ tổ quốc vậy, mà lại đúng ngành học của anh nữa." Anh Đức ăn một muống kem nữa, nói hết ý nghĩ của anh cho tôi nghe: "Anh đi lính, không có ý nghĩ xin về ngành Quân Pháp, mà anh muốn tình nguyện đi . . . Biệt Kích. Chiến tranh đã kéo dài trên quê hương mình quá lâu rồi, phải chấm dứt nó đi, phải xung trận đánh đuổi bọn Việt Cộng xâm lược ra khỏi bờ cõi thì mới có hòa bình cho Miền Nam Việt Nam." Ngày ra trường, anh hôn hờ tới nhà thăm tôi với bộ quần phục rằn đen và chiếc bê rê Xanh lá cây với dấu hiệu Biệt Cách đỏ chói. Anh tươi cười khoe tôi:



"Anh đã được chọn vào Liên Đoàn Biệt Cách 81, được nghỉ vài ngày phép rồi lại đi học khóa Viễn Thám, mưu sinh thoát hiểm và chất nổ." Lần đi chơi lần cuối với nhau trước khi anh trở về trình diện đơn vị, lần đầu tiên Đức nắm tay tôi, xưng anh thật là ngọt ngào với tôi" "Ngày mai anh đi, anh muốn nói với em . . . anh thương em . . . Nếu em đồng ý, hãy chờ ngày anh trở lại . . ." Tôi cũng thương anh, nhưng mà . . . chừng nào anh trở lại? Anh không biết, và tôi thì lại càng không biết. Nhưng tôi thương anh, và đồng ý chờ ngày anh trở lại. Đức có trở lại thăm tôi nhiều lần, có lần từ bệnh viện ra với cái chân băng bột, có lần với cái huy chương sáng chói trên ngực. Giáng Sinh năm 1972 ,tôi dự Thánh Lễ Nửa đêm, có Đức lần đầu tiên bên cạnh tôi. Lễ Giáng Sinh 1973, tôi trợ trợ đi dự lễ một mình. Đức vừa mới ra đơn vị, chắc là anh đang còn nhảy toán ở đâu đó trên Đường Mòn Hồ Chí Minh, đường mòn của những kẻ "Sinh Bắc Tử Nam" nên không thể về dự thánh lễ với tôi được. Lễ Giáng Sinh năm nay – 1974 – tôi cũng lại một mình một bóng. Tôi chỉ biết cúi đầu cầu xin Chúa cho Đức được yên lành. Mọi người về hết rồi, trong nhà thờ chỉ còn có mình tôi. Cha Xứ từ trong đi ra, vui vẻ hỏi tôi: "Con cầu nguyện với chúa điều gì mà có vẻ thành khẩn quá vậy?" Tôi cố làm ra vẻ mặt vui tươi mà trả lời cha: "Con cầu cho anh Đức được bình an để trở về với con như anh đã hứa." Cha vừa tiễn tôi ra khỏi hội trường nhà thờ, vừa nói: "Chúa sẽ chấp nhận lời cầu xin của con, sẽ ban phước lành cho mọi người và cho cả anh Đức nữa." Vừa ở trong vùng ánh sáng bước ra ngoài, tôi chưa quen với màn đêm nên không thấy rõ những gì ở sân nhà thờ, chỉ thấy loáng thoáng một vài bóng người đi ngang. Đột nhiên, một bóng người cao lớn vụt chạy vào, tôi hoảng hốt thối lui, nhưng cha xứ vẫn điềm nhiên nhìn bóng người lạ. Bóng người lạ đã hiện ra trong ánh đèn, với bộ quân phục mới tinh, huy chương gắn một hàng trước ngực, gương mặt rạng rỡ: ĐỨC. Đức, người yêu Biệt Cách Dù của tôi đã trở về. Cha

xứ vui vẻ thốt lên lời chúc mừng: "Con thấy chưa? Lời cầu xin của con đã được chuẩn y rồi đó." Cha bắt tay chúc mừng anh Đức rồi xin phép đi vào trong. Tôi cứ đứng như trời trồng mà nhìn Đức, hai giò lệt lệt từ từ tuôn trào. Đức ôm chặt lấy tôi: "Anh đã cố gắng hết sức để xin máy bay về Saigon dự Thánh Lễ Nửa Đêm với em, nhưng không thể nào kịp, vì nhiều người ghi tên quá. May là vào giờ chót, một anh trong đơn vị phải ở lại vì công vụ, nên anh mới xin đổi tên của anh mà về đó. Anh về tới nhà thờ thì Thánh Lễ đã cử hành, anh còn mặc quân phục nên không tiện vào nhà thờ tìm em, phải đứng chờ ở ngoài này. Mọi người về hết rồi mà cũng không thấy em ra, anh tưởng là em không đi lễ, nên đã bước ra ngoài rồi, thì may quá, cửa nhà thờ lại mở, em và cha xứ bước ra, anh mừng quá, vội vàng chạy thật nhanh trở vào. Anh làm em giật mình hả? Anh xin lỗi em nha." Tôi khóc cho niềm hạnh phúc nhỏ nhen vừa được trọn vẹn, khóc cho sự trở lại an toàn của Đức. Đức bối rối không có khăn tay lau nước mắt cho tôi, cuối cùng, anh gỡ ống tay áo xuống, lấy vải áo trần mà thấm nước mắt cho tôi. Về đến nhà, cả gia đình tôi đang chờ đợi tôi (vì tôi là người cuối cùng chưa về) đã "Ồ" lên một tiếng reo vui mừng và đón chào tôi với Đức vào nhà. Vừa ăn cháo, anh vừa kể cho tôi nghe chuyện đời lính của anh và khoe tôi cặp lon Thiếu Úy sáng ngời mà anh vừa được gắn buổi sáng hôm đó: "Toán của anh nhảy đêm, ngay vào bộ chỉ huy hậu cần của cả một trung đoàn Việt Cộng. Sáng sớm, thằng Việt cộng vừa thò đầu ra khỏi hầm, trông thấy anh, nó hoảng hồn run lên bần bật: "MA . . . Ói đồng chí ơi . . . MA . . ." Nó chưa kịp nói lời tiếp theo là bọn anh đã cho nó về châu bác Hồ của nó. Bọn anh lục soát, thấy rất nhiều kho gạo, đạn dược, súng ống. Anh báo cáo đầy đủ, cho biết điểm bốc sau khi phá kho, rồi cho gài chất nổ chung quanh kho súng, tưới xăng lên kho thuốc, kho đạn, châm lửa đốt rồi vừa chạy về phía dốc núi vừa bám ngòi nổ. Lửa cháy khắp nơi, nhưng tụi Việt cộng túa ra đông quá là đông, vây chặt tụi anh lại, nhất quyết bắt sống. Tụi anh phá vòng vây, đứa nào cũng bị trúng đạn, nhưng ráng leo lên đồi gọi Gunship tiếp cứu. Trục thẳng tới bắn xuống như mưa rồi thòng dây xuống mấy lần mà không làm sao cứu được toán biệt kích. Cuối cùng, trưởng toán cấp cứu dùng kế "Điều Hồ Ly Sơn" bắn phá tụi bọn quanh một ngọn đồi khác, rồi cũng cho trục thẳng thả dây nhưng không kéo được ai lên cả. Bọn Việt cộng tưởng bọn anh đã chạy được qua khu đồi bên kia, nên cũng ào ào kéo súng ống qua bên đó bắn trục thẳng.



Bất ngờ một chiếc Kingbee từ tít tận mây xanh tắt máy nhào xuống tới mức thấp nhất mới mở máy đáp xuống thật nhanh bốc gọn bốn Biệt kích và hai người bị thương lên rồi biến đi trong chớp mắt. Khi bọn anh thoát khỏi vùng nguy hiểm rồi, những Gunship và trực thăng cấp cứu mới rời vùng oanh kích bay về tổ. Bọn anh mỗi đứa được thăng một cấp. Nhảy toán trận này, đánh . . . đã quá." Anh vui mừng, nhưng còn tôi, với tâm tư của một người yêu của lính, tôi không cảm thấy . . . đã quá như anh Đức nói, mà tôi cảm thấy ngày về của anh vẫn . . . không thấy đâu cả, vì anh có nói thêm với tôi: "Chúng nó đông lắm em ạ, bắn mãi cũng vẫn còn." Đó cũng là Thánh Lễ cuối cùng mà tôi có Đức ở bên cạnh tôi. Những ngày cuối tháng Tư 1975, chiến trường từ từ thu hẹp tới tận thủ đô Saigon, những người lính cuối cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã dàn hàng kéo về phòng thủ thành trì cuối cùng. Tôi xách xe Honda chạy hết đường này qua khu nọ, cố thâm vào trong tâm khảm hình ảnh cuối cùng của thành phố thân yêu. Nhìn những người lính Cộng Hòa làm nút chặn ở từng khu phố, tôi vẫn có cảm giác an toàn của một người dân được bảo vệ. Dân chúng và những người lính từ Xa lộ Đại Hàn kéo về thật đông, tôi chạy về hướng đó xem tình hình. Từ cầu xa lộ, tôi thấy rõ những xe tăng hai bên bắn nhau, từng toán lính giao tranh với nhau, đạn bắn khắp nơi, xác chết, người bị thương nằm la liệt. Tôi đi đâu đây? Tôi cũng không biết nữa. Đạn bắn rất quá, tôi quay đầu xe rồ máy chạy trở

lại Sài Gòn. Từ những loa phóng thanh, từ những chiếc radio tôi nghe được lời của Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, kêu gọi những người lính Cộng Hòa buông súng chờ phía bên kia tới bàn giao. Đầu hàng rồi sao? Những người lính Cộng Hoà ở chung quanh tôi sẽ ra sao? Họ còn đang chiến đấu đây mà? Nước mắt tôi ứa ra, không còn nhìn thấy gì nữa, tôi vẫn cứ thế phóng xe chạy, nhắm hướng ngã tư Xa lộ Thị Nghè mà chạy. Thấp thoáng ở phía trước tôi thấy những bộ quân phục màu rằn ri đen xẫm đang di chuyển theo đội hình, những người lính Biệt Cách 81 đây rồi, tôi phóng xe thật nhanh để bắt kịp toán quân. Khi tôi gần bắt kịp toán lính thì thấy một chiếc chở đầy lính chạy ngang, tiếng súng nổ vang lên khắp nơi nhắm vào chiếc xe, cả vào tôi nữa. Tôi hoảng hốt thắng xe, té nhào xuống mặt đường. Những tiếng la, tiếng súng từ lề đường bắn ra nghe rõ mồn một: "Xe chở bọn bộ đội Việt Cộng đó . . . Bắn . . . Bắn đi . . ." Tiếng hô này tôi nghe quen lắm. Tôi ráng lết vào lề đường, chạy về hướng những người lính, chung quanh tôi, dân chúng cũng chạy tứ tung, tan tác. Những người lính lại hô lên: "Đồng bào xin hãy chạy vào lề đường để được chúng tôi bảo vệ . . . hãy tìm cách về nhà ngay đi." Trước mặt tôi là những người lính Biệt Cách với súng ống đầy đủ đang bắn về phía bọn Việt Cộng. Đây rồi, tôi đã tìm thấy cái gì tôi cần tìm, tôi lao vào người lính đang ở trước mặt tôi: "Anh Đức . . . em đây . . ." Đức hoảng hốt khi thấy có ai đó nhào vào người anh, khi biết người đó là tôi, anh hoảng hốt la lên: "Trang . . . em đi đâu đây? Sao em không ở nhà mà lại chạy ra đây? Em về ngay đi . . . ở đây nguy hiểm lắm." "Em đi tìm anh . . . Em nghe Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng rồi." "Đầu hàng? Hồi nào? Anh được lệnh đem lính về bảo vệ cho ông đây mà! Em về đi, anh còn nhiệm vụ phải làm." Tôi cứ đứng yên không đi đâu cả. Đức buông tôi ra hiệu cho toán lính tiếp tục đi về phía Sài Gòn. Một người lính vừa bước đi vừa nói với lại:

"Thiếu Úy đã nói rồi, chị và đồng bào lo ai về nhà nấy đi, chúng tôi có nhiệm vụ, phải đi gấp."



Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy Đức và toán lính Biệt Cách 81 hành quân, thật là oai hùng, thật là uy dũng. Và đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Đức. Suốt ba năm trời, sáng Chủ Nhật nào tôi cũng ra nhà thờ Đắc Lộ dự thánh lễ, Đức hoàn toàn vắng bóng. Tôi hỏi thăm hết cả mọi nơi, nhưng không có tin gì của Đức cả. Có người nói, rất nhiều lính Biệt Cách đã đi về Vùng IV, nơi có Tướng Nguyễn Khoa Nam trấn thủ. Nhưng Tướng Nam đã tự sát rồi, còn đâu nữa? Có bạn bè lại cho hay, toán lính Biệt Cách cuối cùng trên xa lộ đã gom súng lại rồi tan hàng. Họ đi về đâu không ai biết. Từ ngày đó, cả Miền Nam Việt Nam bị cai trị dưới đủ mọi hình thức đàn áp trả thù dã man của bọn Việt Cộng. Ở trường Luật, bọn sinh viên thân cộng trước đây hiện nguyên hình là những tên “Giải Phóng Miền Nam” đeo băng đỏ, đeo súng vào tận lớp học mà tuyên bố thắng trận, những môn học ngày xưa của chúng tôi cũng bị thay đổi và chúng tôi bắt buộc phải sử dụng những từ ngữ mà chúng tôi chưa bao giờ dùng và không hiểu gì cả. Tôi với Đức thông cảm nhau, thương yêu nhau. Nhưng giữa hai chúng tôi, chỉ có một lời hứa của Đức: "Hãy chờ ngày anh trở lại . . ." Ba năm trôi qua, tôi không có tin gì của Đức cả, bao giờ anh mới trở lại? Tôi ra trường và xin được việc làm ở Ngân Hàng xa lắc xa lơ mãi tận vùng Tân Quý Đông. Đường xá xa xôi, tôi phải mượn nhà ở lại, chỉ có Chủ Nhật mới về Saigon thăm gia đình. Tôi nghe rất nhiều về những vụ vượt biên vượt biển đi tìm tự do, nhưng muốn đi tìm tự do cũng phải có cái giá của nó. Có người bị lừa chết trong rừng bụi, trên biển cả mông mênh, có người bị bắt tù thê thảm, nhưng con số người đi tìm tự do chỉ có tăng mà không vì những khó khăn nguy hiểm đó mà giảm đi. Tôi có cái can đảm để vượt qua mọi chông gai, nhưng không quen biết ai cả, làm sao mà vượt biên đây? Một buổi sáng, sau khi dự lễ xong, cha xú bước ra ngoài, gặp tôi đang đi lững thững trong sân nhà thờ. Cha đã từng làm lễ cho chúng tôi từ thời còn là sinh viên, cha biết cả tôi và Đức. Nói chuyện một lúc, cha chợt hỏi tôi: “Nhìn thấy con buồn quá, chắc là có tâm sự gì đó phải không? Cha

có giúp gì được cho con không? Con có muốn nói với cha không?” Tôi cười buồn, nhìn ra xa: “Con muốn sống ở một nơi mà con muốn làm gì cũng được, miễn là không gây hại cho ai. Con muốn . . . tìm được anh Đức nữa . . .” Cha nhìn lên cao, non ngày xưa có treo lá cờ Việt Nam Cộng Hoà, nói nhỏ nhỏ cho tôi đủ nghe: “Con có muốn đi gặp anh Thang hay không? Cha có thể giúp con chuyện này, còn về Anh Đức, cha cũng muốn tìm anh ta nhưng không biết anh ta ở đâu.” (Anh Thang là anh lớn của tôi. Anh được qua Úc du học về môn Thần Học và sắp sửa được thụ phong Linh Mục.) Tôi hiểu ý cha nói . . . “Muốn gặp anh Thang hay không? Có nghĩa là có muốn vượt biên qua Úc hay không? Tôi mừng rỡ trả lời cha: “Thưa cha, con muốn gặp anh con lắm, nhưng không có phương tiện.” Vẫn vừa đi vừa nói chuyện, cha cho tôi hay, có một gia đình người Hoa đang tổ chức vượt biên, họ cần một người biết nói tiếng Anh và tin tưởng được, nên đã mời cha cùng đi. Nhưng cha từ chối vì còn phải ở lại phụng sự con chiên ở xóm đạo này, họ xin cha giới thiệu cho một người có đủ điều kiện để đi chung, bao hết cả mọi sở phí. Tôi đồng ý ngay lập tức. Cha sứ nói vẫn tất là sẽ có người tới gặp tôi tại nhà, xưng tên là “CỔ”. Mọi chuyện cứ làm theo lời họ dặn, không cần gặp lại cha nữa. Nếu có gặp anh Thang, cho cha gởi lời hỏi thăm. Ngay tối hôm đó, đã có một người đàn bà đến nhà tôi, xưng tên là “CỔ”, tôi mời bà vào trong nhà ngay, bà người Hoa, nói tiếng Việt không rành cho lắm, nhưng đủ để chúng tôi hiểu nhau. Sau khi uống ly trà nóng, bà móc trong bọc giấy nilông ra một tờ báo cũ mềm in bằng tiếng Anh, nhờ tôi đọc và dịch ra tiếng Việt dùm, vì bà không hiểu. Tôi hiểu ngay là bà muốn thử khả năng tiếng Anh của tôi, tôi cầm tờ giấy đọc ngay cho bà và sau đó dịch liền qua tiếng Việt. Nghe xong, bà mừng rỡ (chắc là trước khi đến đây, bà đã nghe người khác dịch cho bà nghe rồi) mà nói với tôi, sẽ tới liên lạc với tôi vào tuần tới. Chủ Nhật sau, tôi vừa về nhà được một lúc thì bà Cổ cũng tới thăm tôi, bà đi hai người hai chiếc xe gắn máy, nói với tôi rằng, cho tôi mượn một chiếc để mỗi ngày đi làm xong, tôi về Saigon chứ không ở lại Tân Quý Đông, vì chuyện đi đứng sẽ bất chợt, bà phải gặp tôi ngay bất cứ lúc nào. Vào một buổi tối có trăng có sao (nhưng mà ở xa lắm) tôi chưa kịp ăn cơm thì bà Cổ lại tới, cũng với người đàn ông hôm trước, nhưng chỉ có một chiếc xe Honda thôi. Bà nói tôi phải đi theo bà ngay tối nay, tới ở nhà của bà ở vùng Chợ Lớn, để sống chung và làm quen với mọi người trong nhà. Tôi vào trong nhà nói cho ba má hay, lấy ít quần áo đem theo rồi từ giã mọi người. Ba mẹ tôi đã biết mọi chuyện nên chỉ chúc tôi may mắn chứ không đưa tôi ra cửa. Tôi chở bà Cổ và chạy theo sau người đàn ông. Tôi ở Saigon đã lâu nhưng chưa bao giờ bước tới khu Chợ Lớn, nên chỉ tập trung tinh thần chạy theo cho khỏi bị lạc mà thôi, chứ còn qua những con đường nào? Tôi hoàn toàn không biết. Chạy một hồi tới một căn nhà lâu kiêu cổ xưa, có hàng rào gạch bên ngoài và cổng sắt đóng kín. Khi người đàn ông dừng lại nhấn kèn thì đã có người chờ sẵn mở cổng cho chúng tôi vào. Bà Cổ dắt tôi lên lầu. Cả nhà bà đã chờ sẵn, đón chào tôi bằng tiếng . . . Hoa. Đương nhiên là tôi không hiểu gì hết rồi. Bà Cổ giới thiệu tôi với từng người . . . Nào là Coóng, Xầy, Lin . . . Nào là A Xinh, A Vòng, A Hứng . . . mà tôi không thể nào nhớ hết. Cuối cùng, bà giới thiệu tôi tên là . . . CÔ HY KHOAN. Trước gương mặt đầy ngạc nhiên của tôi, bà

giải thích: “Gia đình của tôi họ Cổ. Khoan là đứa con gái của tôi đã vượt biên đến Indonesia rồi. Bây giờ đến lượt cả gia đình cùng đi vượt biên bán chính thức, theo sổ người trong “Sổ Gia Đình” cũ, do đó, kể từ hôm nay, cô sẽ mang tên Cổ Hy Khoan và là con gái của chúng tôi. Trong khi chờ đợi ngày đi, cô sẽ học tiếng Quan Thoại để nói chuyện với mọi người trong gia đình. Khi rời khỏi Việt Nam, cả gia đình sẽ tùy thuộc vào cô mà nói tiếng Anh liên lạc với nơi sẽ đến và điều cần nhất là giúp chúng tôi liên lạc với Cổ Hy Khoan thật, đang ở Indonesia. Sau đó, bằng mọi cách xin cho cả nhà đi định cư ở Úc, vì chúng tôi đã có thân nhân ở đó rồi. Nhiệm vụ đã rõ ràng, tôi thay quần áo và bới tóc y hệt một á xắm rồi xuống dưới nhà ăn cơm cùng với cả gia đình. Ai cũng khen tôi là . . . giống Á Kho y hệt. Phần tôi, tôi lo học ăn những món ăn người Hoa mà tôi đôi khi đã được ăn hoặc có thấy mà chưa từng ăn bao giờ và học nói cái tiếng nói mà tôi cũng chưa bao giờ thử. Chỉ vài ngày sau là tôi đã có thể ra ngoài đi chợ với má Cổ và nói vài câu Quan Thoại rồi. Sửa soạn cho ngày đi, tôi được giao cho mang nhiều đồ nữ trang, nhẫn và một thùng đồ ăn, trong đó có mì gói, có khoai lang, có mía chặt từng khúc, có đường có muối và đặc biệt có cà phê và một thùng sữa đặc với những lon sữa đặc có đường hiệu “Con Chim – Nestle” mà sáng nào cả nhà cũng uống cà phê pha loại sữa này. Má Cổ dặn tôi đặc biệt phải giữ cái thùng sữa đặc này với bất cứ giá nào, không được dờn nó một bước. Tôi cầm một lon sữa lên thử, thấy nó có vẻ . . . nặng hơn những hộp sữa khác. Tới ngày đi, cả gia đình chúng tôi được đưa tới bến tàu, có Công an mang súng đi dọc hai bên chúng tôi như đi giải tội phạm, họ đọc danh sách từng người rồi mới cho bước xuống tàu nhỏ. Tôi hồi hộp nghe xuống danh, vừa nghe vừa tự đọc tên mình cho khỏi quên. Khi người Công An vừa đọc: “Cổ Hy Khoan” Là tôi đã nhanh nhẹn đứng dậy, khiêng thùng đồ ăn của mình bước xuống tàu. Chung quanh tàu chúng tôi có nhiều tàu khác nữa, cũng có Công an đi kèm. Điềm danh xong, tàu chạy khoảng một tiếng đồng hồ mới tới một nơi tạm trú, giống như một nhà kho. Hết chiếc tàu này tới chiếc tàu khác, toàn là người Hoa thôi, gia đình nào sống với gia đình đó, không ai nói chuyện với ai. Công an mang súng gác ở bên ngoài, không cho bất cứ một ai tới gần nơi chúng tôi tạm trú. Đêm xuống, chúng tôi lại được đưa lên tàu để ra tàu lớn đậu ở ngoài khơi. Chiếc tàu vượt biên là tàu sắt, thật là lớn, lớn tới nỗi tôi chưa từng thấy bao giờ, đèn đuốc chung quanh tàu thấp sáng trưng. Mọi người ào ào leo lên tàu chứ không chờ đọc tên theo danh sách nữa. Gia đình chúng tôi tạm trú tại một góc của chiếc tàu. Khi mọi người đã lên hết rồi, tàu bắt đầu nhổ neo rời bến. Tôi đã vượt biên rời khỏi nước Việt Nam, với gia đình mới của tôi, bỏ lại sau lưng cha mẹ anh em và người tình Biệt Cách 81.



Tàu Ty nạn cập bến Hongkong.(hình trên internet)

Tôi đã vượt biên rời khỏi nước Việt Nam, với gia đình mới của tôi, bỏ lại sau lưng cha mẹ anh em và người tình Biệt Cách 81.

Tôi nhớ rất rõ ngày tôi lên tàu là ngày 18 12 1978.

Chiếc tàu bắt đầu chạy chậm chậm trên sông, đèn đuốc trên tàu từ từ tắt hết, chỉ còn những ngọn đèn nhỏ ở trên cao, bên dưới, chúng tôi ngồi co lại với nhau, thật là hồi hộp. Tôi vừa phải lo cho thân tôi, vừa phải giữ chặt cái thùng sữa mà tôi đoán chừng là rất quan trọng, nên càng lo lắng hơn nữa. Cách tốt nhất để giữ cái thùng là đừng quá quan tâm tới nó, suy nghĩ hồi lâu, tôi mới tìm ra phương cách an toàn: Tôi ngồi lên trên cái thùng cạc tông, bỏ cái giỏ quần áo lên trên đó nữa, thế là xong.

Bây giờ tôi mới có thì giờ nhìn quanh: Chiếc tàu sắt này có vẻ là một chiếc tàu chở hàng chứ không phải là tàu chở hành khách, chúng tôi đang ở trong khoang tàu, trần rất là cao, chia làm nhiều ngăn, sàn tàu lót vỉ sắt bị trầy trụa nhiều nơi . . .

Đã hơn một ngày trời căng thẳng, bây giờ được ngồi yên ổn trong khoang tàu sắt, con buồn ngủ kéo đến thật mau. Tôi nhìn lại ba má nuôi, thấy hai người đã nằm quay ra sàn sắt mà ngủ rồi, tôi che miệng ngáp dài, ráng thức canh chừng cho mọi người ngủ, nhưng chỉ vài phút sa là tôi ngã xuống sàn ngủ thiếp đi . . .

Tôi còn đang chập chờn trong giấc ngủ, thấy mình như đang nằm trên một chiếc võng đong đưa . . . tâm hồn tôi cũng bay bổng theo nhịp lắc của chiếc võng . . . chiếc võng cứ thế mà đung đưa càng ngày càng mạnh . . . tôi chịu không nổi . . . ủa ra một tiếng

thật lớn . . . tôi cảm thấy ngộp thở vì những chất gì nhớt nhớt chảy vào mũi tôi, trôi vào cổ họng tôi . . .

Tôi giật mình thức giấc, đưa tay lên sờ mặt, thấy mặt mày tôi đầy những chất nhờn hôi hám khủng khiếp . . . tôi vùng ngồi dậy ho sặc sụa, cố gắng ói ra những chất nhờn trong cổ họng và đưa tay áo lên lau mặt. Con tàu chao đảo hết sức làm tôi đứng không vững, ngã nhào xuống vững nhờn tôi vừa mới ói ra. Tôi chống tay cố sức ngồi dậy, nhìn qua bên cạnh: Má Cổ (Má nuôi người Hoa của tôi) cũng đang ói mửa như tôi, đầu tóc bà bù xù dính đầy những chất nhờn. Tôi cố gắng bám chân xuống sàn để lết tới lấy cái khăn trong giỏ mà lau đầu tóc cho bà, nhưng sàn sắt trơn lùì lại dính đầy những chất nhờn, làm cho tôi càng bị trượt đi, không làm sao mà lấy được cái khăn. Đến khi tôi lấy được cái khăn thì tới phiên cái thùng sữa mà tôi có nhiệm vụ phải giữ lại bị văng ra xa vì con tàu đang chao đảo dữ dội. Tôi và Má Cổ vội vàng cùng nhau đuổi theo cái thùng mà giữ nó lại, cố gắng đẩy nó về góc phòng của mình. Má Cổ la lớn cho tôi nghe:

"Chắc là ra tới cửa biển rồi, nên sóng đánh dữ quá . . ."

Chung quanh tôi, ai nấy đều đứng không vững, ngồi không yên vì bị say sóng, mùi hôi tanh của chất nhờn làm cho tôi chịu không nổi, càng muốn mửa ra thêm nữa. Má Cổ đang xúc dầu xanh lên mũi, lên cổ rồi đưa cho tôi xúc. Xúc dầu cách mấy cũng không thể nào làm mất cái mùi hôi tanh đó được.

Có ánh sáng lọt vào khoang hầm, tôi nhìn lên, thấy một người đang ở trên cao nhìn xuống rồi bỏ đi đâu mất. Tôi ráng nói với Má Cổ coi chừng dùm cái thùng sữa, để tôi lên đó kiếm nước rửa mặt và hít thở không khí. Tôi càng cố gắng đứng vững để đi tới khung cửa thì những cái lắc của con tàu lại làm cho tôi ngã nhào xuống sàn tàu, lại từng cơn ói mửa nữa mà tới lúc tôi không còn gì ở trong bụng để mà ói ra, chỉ còn những chất nhờn trong mà má tôi đã dặn: "Say sóng sẽ bị ói mửa, cứ việc ói ra, tới khi nào ói tới mặt xanh mặt vàng tức là không còn gì để ói nữa, lúc đó sẽ hết ói và tỉnh táo lại."

Tôi ráng lết ra tới cầu thang, bò từng bậc lên trên.

Lên tới trên, tôi mới biết là trời đã sáng rõ, tức là chiếc tàu đã chạy suốt đêm qua cho tới sáng nay. Chiếc tàu mà tối hôm qua, khi đậu ở gần bờ, tôi đã thấy nó thật là lớn, nhưng đến bây giờ, nhìn thấy chiếc tàu đang nhấp nhô trên những làn sóng lớn như cái nhà, tôi cảm thấy chiếc tàu này quá nhỏ so với đại dương mông mênh, tôi tưởng chừng nó như một chiếc lá tre giữa giòng biển khơi mà thôi. Chỉ mới nhìn thấy những đợt sóng thôi, là đầu óc tôi lại quay cuồng, lại ói mửa nữa . . . có một ai đó đã xịt một vòi nước vào người tôi, làm cho tôi choàng tỉnh, vội vàng đưa tay che mặt nhìn lên: Hai người thanh niên đang cầm vòi nước xịt vào người tôi, một người vừa bịt mũi vừa

ra dẫu cho tôi biết là tôi hôi hám quá, cần rửa gột quần áo cho sạch. Tôi mừng quá, vội vàng đưa cái đầu tóc rối bời hôi hám ra cho anh xịt nước để gội đầu, rửa mặt và chà xát vào quần áo để giặt những chất nhờn do chính tôi và những người bên cạnh ói mưa vào người tôi. Khi xong xuôi rồi, tôi chỉ xuống hầm tàu, nói tiếng Việt với anh ta, cho biết là ở dưới hầm tàu rất là hôi hám, cũng cần phải được xịt nước. Anh ta nghe tôi rồi lắc đầu cười, tỏ vẻ không hiểu, tôi vội vàng dùng tiếng Anh nói lại với anh, anh cũng lắc đầu vừa đi tắt nước vừa cuộn ống lại. Tôi không biết làm sao, ráng dùng vài câu tiếng Hoa mà tôi vừa học để giải thích với anh, nhưng anh lại càng không hiểu. Làm như có sức mạnh ở đâu đó giúp cho tôi đứng vững lại được để tôi kéo anh thủy thủ này tới cửa hầm, cũng bắt chước anh, bịt mũi lại mà chỉ xuống hầm tàu rồi ra dẫu xịt nước rửa hầm tàu. Cái ngôn ngữ quốc tế này xem ra hiệu nghiệm hơn cả, anh ta gật đầu hiểu tôi và ra dẫu cho tôi là người nào lên đây thì anh sẽ xịt nước cho rửa mình, chứ anh không xuống đó mà rửa được.

Tôi vội vàng leo thang xuống hầm, nói với Ba Cổ (ba nuôi của tôi) giữ dùm hành lý để dắt Má Cổ lên boong tàu để được xịt nước tắm rửa, cứ như thế, tôi đem hết, từng người từng người trong gia đình của tôi lên boong tàu tắm rửa. Khi mọi người đã sạch sẽ trở lại rồi, anh thủy thủ tốt bụng cuộn dây lại, ra dẫu cho tôi đi theo anh vào trong khoang tàu của thủy thủ, đưa cho tôi vài trái táo ăn cho đỡ trống dạ dày. Má Cổ nhìn chung quanh, thấy rất rộng rãi, sạch sẽ và thoáng mát, bà ghé tai tôi nói nhỏ:

“Con xin anh này cho gia đình mình lên trên này ở tạm đi, mình . . . đền ơn . . .”

Vừa nói, Má Cổ vừa đưa tay xuống gấu áo lần lần lấy ra một cái nhẫn vàng nhỏ đưa cho tôi. Tôi lại dùng thứ ngôn ngữ quốc tế mà nói lại với anh thủy thủ những điều Má Cổ muốn nói, anh thủy thủ nhìn tôi ra dẫu một hồi, anh không trả lời mà ra dẫu lại là tôi chờ ở đây, rồi anh ta đi vào trong làm gì đó mà tôi đoán rằng anh phải hỏi cấp trên. Tôi nhìn theo, thấy con tàu giống như một căn nhà ba tầng lầu, từng trên cùng có gắn ăng ten quay tròn và treo lá cờ của một quốc gia nào đó mà tôi không thể nhớ ra lúc này. Một lúc sau, người thủy thủ trở lại với một người nữa (mà tôi đoán là người chỉ huy của anh), hai người dắt tôi và Má Cổ vào trong khoang tàu, người thứ hai này chỉ cho tôi những cái giường giống như cái võng, mắc tòng teng ở đó, ra dẫu cho chúng tôi ngủ ở đây, rồi chỉ vào anh thủy thủ, chỉ vào chính anh và chỉ lên trên tầng lầu trên. Tôi lại đoán chừng là ông ta đồng ý cho gia đình tôi ngủ trên những cái võng thủy thủ này, còn đám thủy thủ sẽ lên trên phòng trên ở với ông. Tôi quay lại nói với Má Cổ, bà ta bằng lòng ngay và còn lần gấu áo lấy ra một chiếc nhẫn thứ hai đưa cho tôi để tôi đưa cho hai người thủy thủ.

Tôi coi bộ đã không bị ói mưa nữa, nhưng quá mệt để có thể đứng vững, tôi leo lên võng nằm xem có đỡ phần nào không, nhưng lại bị xây xẩm mặt mày, nên lại leo xuống nằm vật vờ trên sàn tàu. Con tàu cứ thế mà lướt sóng theo hướng đã định để tới Hồng Kông. Tôi nhìn theo hướng đi, chỉ thấy trời, mây, nước chứ chẳng thấy gì khác,

lâu lâu tôi mới được thấy một vài con cá heo bơi theo tàu chúng tôi, đôi khi chúng hứng chí, nhảy khỏi mặt nước đùa vui . . . Chỉ khi nhìn thấy đàn cá heo bơi theo tàu, tôi mới thấy là chiếc tàu của chúng tôi . . . đang chạy, nhưng khi đàn cá lặn xuống biển mất tiêu, tôi lại cảm thấy là chiếc tàu của tôi cứ ở một chỗ chứ chẳng đi đâu cả, vì tôi nhìn đâu cũng chỉ thấy nước biển và mây xanh giống nhau.

Người thủy thủ có trở lại chỗ chúng tôi ở, cho chúng tôi vài gói mì gói, nước uống và trái cây. Má Cổ ráng dùng tiếng Hoa để nói chuyện, nhưng anh ta cứ lắc đầu không hiểu gì cả. Đã vài ngày qua rồi, chúng tôi đã bình phục trở lại, có thể đi tới đi lui chung quanh boong tàu, nhưng chúng tôi không cảm thấy đói, chỉ ngậm đường, ngậm thịt chà bông và uống nước mà thôi. Tôi đã có thì giờ lấy sách ra xem lại lá cờ treo trên nóc, thì ra lá cờ đó là của Panama, hèn chi anh thủy thủ không nghe được tiếng Việt, tiếng Hoa, và cả . . . Tiếng Anh nữa.

Ngày qua ngày . . . tôi chỉ biết mình đang ở trên tàu đi vượt biên, chứ không biết là mình đang ở đâu và chừng nào thì tới bến . . . Cho tới một hôm anh thủy thủ trở lại, chỉ về phía xa xa mà nói với chúng tôi: Hongkong.

Chúng tôi vui mừng nhìn theo hướng tay của anh chỉ, nhưng chẳng thấy gì khác hơn là vẫn cảnh trời mây nước như mọi ngày. Mãi ngày hôm sau, chúng tôi mới thấy một vài con chim hải âu bay lượn . . . rồi những hàng lưới đánh cá dài cả cây số . . . tới bờ rồi . . . gần tới bờ rồi . . . chúng tôi đã sống còn và sắp tới Hongkong rồi.

Khi chúng tôi thấy xa xa những cao ốc cao ngất trời cũng là lúc hai chiếc tàu của Đội Cảnh Sát Tuần Duyên Hongkong cập vào tàu của chúng tôi, những nhân viên mặc sắc phục lên tàu nói chuyện với người Thuyền trưởng, tôi cũng chạy ra nghe ngóng tình hình. Ông Thuyền trưởng cho biết, trên tàu có ba ngàn người (3000) toàn là những người Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản, xin được cập bến. Trong khi người trưởng toán Cảnh sát báo vào bờ xin chỉ thị, những người Cảnh sát khác đi khắp tàu để kiểm soát. Tôi thấy trong đám có một Nữ Cảnh Sát, nên đã đi theo cô làm quen, cô cho biết hôm nay là ngày 22 11 1987, tức là chúng tôi đã lênhênh trên biển được năm ngày. Sau khi kiểm soát xong về số người và hành lý mang theo, chúng tôi được biết là chính phủ Hongkong chưa cho phép và có thể không cho phép chúng tôi cập bến, vì con số người tỵ nạn trên tàu lên tới ba ngàn người, quá nhiều để một hòn đảo nhỏ như Hongkong có thể chứa nổi.

(Trước khi khai tên họ, gia đình chúng tôi đã hội ý với nhau, vì đã đến bến bờ tự do rồi, tôi không cầu khai tên giả nữa, nên tôi đã khai tên thật của tôi là Nguyễn Thị Thanh Thảo, đi chung với cha mẹ nuôi họ Cổ.)

Người Nữ Cảnh sát cho tôi biết là hiện tại, trên đảo Hongkong có khoảng sáu trăm người Ty Nạn Việt Nam đến từ miền Bắc, họ đang ở tại những hotel chứ không có trại ty nạn.

Ngày tháng cứ thế mà trôi đi, mỗi ngày, có tàu từ trong đất liền chở thực phẩm ra cho chúng tôi: Nào là cháo, bánh mì, bánh lát, bơ, sữa, nước uống . . . Chúng tôi vui với cuộc sống ở trên tàu, sẵn sàng chờ tới ngày được lên bờ. Thỉnh thoảng, có vài chiếc tàu đánh cá cập vào tàu của chúng tôi, tôi đem bánh mì và trái cây ăn không hết đổi với cá của họ mà nướng lên ăn với bánh mì hoặc là nấu với mì gói, ăn cũng ngon lắm.



Trại Ty Nạn tại Hongkong.(hình trên internet)

Ngày chúng tôi được lên bờ đúng vào dịp Tết Dương Lịch năm 1979. Chúng tôi được đưa đến ở tại Trại Ty Nạn Kaitak, thực sự đây không phải là trại ty nạn, mà là một phi trường, được biến cải thành nơi tạm trú cho chúng tôi mà thôi, mỗi gia đình được cấp một phòng. Chúng tôi được phát cho mỗi người một cái ly, một cái tô, một đôi đũa và một cái muỗng, cứ mỗi buổi sáng, trưa và chiều, chúng tôi xếp hàng lãnh cơm hoặc cháo để ăn. Khi nơi ăn chốn ở đã tạm ổn định rồi, tôi mới mang “Thùng Sữa” mà Má Cổ nhờ tôi giữ, đem giao lại cho Má (Má Cổ giao cho tôi nhưng không nói là tôi phải trả lại hoặc chừng nào tôi phải giao trả lại, coi như đó là thùng sữa để uống cà phê hàng ngày, sẽ uống hết). Trước mặt cả nhà, Má Cổ lấy cái mở hộp ra, mở lon sữa đầu tiên: Trong hộp, không có giọt sữa nào cả, mà toàn là . . . vàng lá. Những miếng vàng lá hình trái núi còn sáng ngời, được xếp thật gọn gàng thật khéo léo ở trong lon sữa và hàn lại, dán nhãn giấy ở bên ngoài, y hệt một hộp sữa bình thường, chỉ khác là nó hơi nặng hơn hộp sữa bình thường mà thôi. Trong thùng sữa 20 hộp, có mười hộp vàng, 10 hộp sữa. Ai cũng mở lon cặp mắt ngạc nhiên ra mà nhìn những lon “Sữa Vàng”, tức là chỉ một mình Má Cổ biết việc này mà thôi, trong gia đình không ai biết hết. Má Cổ giải thích: Tôi là người trong gia đình, nhưng khác với mọi người, nếu bị bắt, cả gia đình giống nhau có thể bị khám xét, một mình tôi lạ mặt, nên có thể sẽ không bị bắt hoặc bị khám xét. Má Cổ lấy hai miếng vàng trong hộp đưa cho tôi:

“Má tặng cho con làm vốn.”

Tôi lắc đầu quày quật:

“Không . . . con không lấy . . . đó là của má, con chỉ mang theo dùm má thôi. Má đã cho con đi vượt biên không đòi hỏi điều kiện gì cả, con cảm ơn má không hết, làm sao mà con có thể lấy vàng của má được.”

Má đưa đẩy cho tôi mãi, Ba Cỏ cũng nói tôi cứ việc lấy để làm vốn sinh sống, vì chúng tôi sẽ chia tay nhau sau khi mọi việc được an bài, nhưng tôi không bao giờ làm như vậy.

Tôi giữ lời hứa với Má Cỏ, nên công việc đầu tiên của tôi là tôi xin tiếp xúc với Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế để xin tìm cô Cỏ Hy Khoan (cô đã đi vượt biên trước đó, nghe nói đã tới Indonesia, tôi mang tên cô để đi vượt biên).

Khoảng một tháng sau, chúng tôi được dời về Trại Ty Nạn Hamsuiwui ở Kaolung (lâu quá rồi, tôi chỉ nhớ mang máng như vậy thôi, chứ không chính xác), mỗi gia đình được ở trong một căn nhà nhỏ, có đánh số thứ tự để gửi và nhận thư. Tại trại ty nạn này, chúng tôi được tự do ra ngoài chơi hoặc kiếm việc làm, và được phát mỗi người khoảng \$8.00 US một ngày, muốn ăn gì thì ra chợ mua về mà tự nấu (Má Cỏ nhận tiền ăn cho cả gia đình). Vì số vàng dân Ty Nạn đem theo quá nhiều, chính phủ Hongkong muốn kiểm soát số vàng trên thị trường quốc gia, nên đề nghị với người Ty nạn, mặc dầu họ được tự quyền bán vàng để tiêu xài mỗi ngày, nhưng mỗi khi muốn bán, có thể bán cho chính phủ theo giá chính thức, để thị trường vàng không bị chao đảo.

Tôi mỗi ngày đi ra thư viện mượn sách về đọc thêm, hoặc giúp mọi người trong trại ra bưu điện gửi thư cho gia đình ở khắp mọi nơi, nào là Mỹ, Pháp, Canada . . .

Không biết có phải là do những nhân viên ở Bưu điện giới thiệu hay không, mà một công ty phân phối được phẩm nghe phong phanh tôi biết tiếng Anh, Pháp, Việt, và cả tiếng Hoa nữa, nên đã cho nhân viên vào tận trong trại ty nạn hỏi tôi có muốn làm việc với công ty của họ hay không? Nếu muốn, họ sẽ dàn xếp một cuộc phỏng vấn. Giám đốc công ty là ông Cheong đích thân phỏng vấn tôi, ông cho biết: Công ty của ông có nhiệm vụ phân phối được phẩm cho khách hàng ở Mỹ, Pháp, Việt Nam . . . Những nhân viên người Hongkong chỉ biết tiếng Hoa thôi, nên khi đánh máy họ tên, địa chỉ người gửi người nhận, tên thuốc . . . họ không thể kiểm soát được đúng hay sai. Nhiệm vụ của tôi là kiểm soát danh sách, nhận diện tên, địa chỉ và tên thuốc để tránh sai lầm. Tiền lương của tôi sẽ là \$1300 Hongkong một tháng (khoảng \$216 Aust). Tôi mừng quá, vì công việc thật nhẹ nhàng, lại đúng với khả năng của tôi, nên tôi đã nhận lời đi làm ngay ngày hôm sau. Nhờ số tiền lương này mà tôi có thể dành dụm chút ít gửi về cho ba mẹ tôi và mua thêm đồ ăn cho cuộc sống của gia đình Má Cỏ và tôi.

Hồng Thập Tự Hongkong gửi thư cho Má Cổ, báo cho biết là Cổ Hy Khoan đã được đi định cư ở bên Hoa Kỳ, sẽ liên lạc với cô Khoan để biết địa chỉ chính xác. Má Cổ cảm ơn tôi hết sức, bà chỉ mong có nhiều đó thôi. Công việc thứ hai là làm đơn xin định cư ở Úc, vì gia đình bà đã có người thân đã định cư tại đây, cho biết là cuộc sống ở bên Úc rất thoải mái. Tôi cũng có ý định đi Úc, nên chúng tôi vui vẻ chờ đợi ngày phái đoàn Úc qua Hongkong phỏng vấn.

Tôi cũng đã gửi thư và nhận được thư trả lời của anh Thang ở bên Úc, anh cho biết, anh sắp được thụ phong Linh Mục tại Melbourne và đã gửi thư tới Bộ Di Trú xin bảo lãnh gấp cho tôi được qua sớm để dự lễ thụ phong của anh.

Chờ mãi mà không có phái đoàn Úc đến phỏng vấn, chúng tôi đã hơi nản lòng, sẵn có phái đoàn Hoa Kỳ đến phỏng vấn, cả gia đình ngồi lại bàn bạc với nhau về tương lai. Má Cổ suy nghĩ, nói với mọi người: Cổ Hy Khoan đã được đi Mỹ rồi, nó có thể bảo lãnh cả gia đình qua Mỹ chung sống, cả gia đình đoàn tụ với nhau. Qua bên Úc, mặc dù cuộc sống có thể êm đềm hơn, nhưng cũng chỉ là bà con sống gần nhau mà thôi. Thế là ngày hôm sau, cả nhà lên gặp phái đoàn Mỹ xin đi di dân qua đó.

Tôi mừng cho gia đình Má Cổ đoàn tụ, nhưng lại lo lắng cho tôi: Cả gia đình đi rồi, tôi thân gái dặm trường, ở đây với ai bây giờ?

Tôi nhớ tới Đức, nhớ người yêu Linh Chiến của tôi, không biết anh bây giờ đang ở đâu? Anh còn sống trên cõi đời này không? Hay là đã đi về miền viễn xứ rồi? Phải chi anh được đi vượt biên chung với tôi, có anh ở bên cạnh, tôi đâu còn phải lo nghĩ gì nữa!

Ông Cheong thấy tôi lo nghĩ, ông đề nghị: Con trai của ông đang làm Giám Đốc Thương Mại của công ty (tôi đã có tiếp xúc với anh vài lần), cũng trạc bằng tuổi tôi, đã tốt nghiệp Đại Học Hongkong, chưa lập gia đình . . . Nếu tôi đồng ý làm dâu của ông, tôi vừa có gia đình, lại vừa có nơi ăn chốn ở . . . mai một đây ông về hưu, sẽ để công ty lại cho chúng tôi tiếp tục cai quản . . .

Ông Cheong thực tình thương mến tôi, và cũng vì tôi có thể giúp ông trong công việc. Ông đến tận trại tỵ nạn mời Ba Má Cổ đi ăn tối với gia đình ông, ông lại còn mời tất cả đến nhà riêng của ông nữa. Công ty của ông Cheong đang làm ăn phát đạt, gia đình của ông cũng đầm ấm và có vẻ trí thức, con trai của ông cũng điển trai, lanh lợi . . .

Nhưng tôi lại có ý nghĩ khác . . .

Phải chi con trai của ông là anh Đức của tôi . . . thì hay biết mấy!

Mặc dù giữa tôi và Đức chỉ có một lời hứa với nhau, nhưng lời hứa đó chứa đựng cả một tình yêu chân thật, cả một tương lai tốt đẹp . . .

Tôi phải chờ anh Đức, dù là phải chờ đợi bao lâu đi nữa . . .

Tôi chỉ muốn đi Úc thôi.

Mọi việc đang là rối beng lên thì tôi nhận được thư của Bộ Di Trú Úc, chấp nhận cho tôi được sang đoàn tụ với anh Thang.

Tôi mừng quá, đem thư về khoe liền với Ba Má CỎ. Nhưng tôi lại khựng lại: Tôi sợ Ba Má CỎ bỏ tôi lại Hongkong, nhưng bây giờ tôi mới chính là người bỏ Ba Má CỎ lại đằng sau? Hai ông bà chỉ trông vào tôi khi đi ra ngoại quốc, nay tôi nỡ lòng nào bỏ đi để ông bà bơ vơ nơi xứ người? Tôi là người tôn trọng lời hứa, tôi đã nói thì phải giữ lời. Má CỎ đã tin tôi tới mức giao cả một số vốn lớn cho tôi mang theo mà không hề sợ tôi phản bội, đem số vàng đó đi mất, thì tại sao bây giờ tôi lại phản bội lại lời hứa của tôi với Má CỎ?

Tôi không biết suy nghĩ làm sao, xếp lá thư lại, bỏ túi, đi về nhà.

Cả nhà Má CỎ đang vui như Tết! Má CỎ phát phát tờ giấy gì đó trên tay, cười lớn nói với tôi:

“Ba Má được nhận giấy của phái đoàn Hoa Kỳ, chấp thuận cho định cư tại Mỹ, đoàn tụ với con gái. Mười ngày nữa sẽ đi.”

Tôi suy nghĩ thật nhanh: Tuần lễ sau tôi sẽ đi, như vậy, tôi chỉ đi sớm hơn Ba Má CỎ có ba ngày thôi . . . Ba Má CỎ sẽ đủ sức sống một mình trong ba ngày ngắn ngủi đó.

Tôi như người trút được gánh nặng ngàn cân. Tôi vui vẻ bóc thư của Bộ Di Trú Úc ra khoe với cả nhà:

“Con cũng được Phái Đoàn Úc chấp nhận cho đi định cư vào tuần sau.”

Ngày 27 07 1979, tôi rời Hongkong, hòn đảo đầy thương mến đã cho tôi một cuộc sống tự do đầu tiên kể từ khi rời khỏi Việt Nam – để đi định cư tại Melbourne, Úc Đại Lợi.

Tiền đưa tôi, có gia đình của Ba Má CỎ, gia đình của ông Cheong và cậu con trai của ông. Má CỎ đã đeo vào ngón tay của tôi chiếc nhẫn vàng mà nói:



Bia tưởng niệm Thuyền nhân tại Hongkong. (Hình trên internet)

“Má tặng con chiếc nhẫn này, không phải để cho con bán đi lấy tiền xài, mà để cho con nhớ tới Ba Má Cổ và chuyện vượt biên chung với nhau. Khi nào Ba Má qua tới Mỹ, có địa chỉ chính thức, Ba Má sẽ gửi thư cho con liền đó.”

Còn ông bà Cheong tặng cho tôi tám đồng đô la Úc, nói rằng đó là tiền hên, để giúp cho tôi làm ăn ở xứ người.

Trong thời gian chờ đi định cư, tôi đã vào thư viện đọc sách về nước Úc, tôi đã biết lúc này nước Úc đang vào mùa Đông, anh Thang cũng đã gợi thơ nhắc tôi mua áo lạnh mặc cho đủ ấm, nên tôi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng hết rồi, chỉ có một thứ mà tôi đã không để ý tới:

Mãi cho đến khi tới phi trường, nhìn quanh quần khắp nơi, chỉ toàn là người Úc da trắng tóc vàng và người Hoa da vàng tóc đen mà thôi, ai cũng mặc áo lạnh che kín hết cả mặt mũi, nên tôi không thể nào biết ai vào mới ai, lúc đó, tôi mới nhớ ra một điều quan trọng: Gương mặt anh Thang ra sao, tôi đã . . . quên mất rồi.

Anh Thanh rời Saigon từ năm một ngàn chín trăm nào đó, lúc tôi còn nhỏ. Hơn nữa, trải qua một cuộc bể dâu, đầu óc tôi có quá nhiều chuyện để nhớ, cho nên cái chuyện cần nhớ là gương mặt của anh Thang thì tôi lại quên mất rồi.

Tôi nhìn quanh, nhiều người quá, ai cũng giống nhau, tôi chịu thua, đành cứ đứng tro ra đó mà chờ. Hết chuyến bay này tới, lại chuyến khác bay đi, tôi cứ đứng đó chờ . . . Tôi để ý thấy ở đầu khu chờ lấy hành lý, có một người tóc đen, dáng vóc hơi gầy, lâu lâu nhìn về phía tôi . . . Tôi ráng nhớ ra tướng người của anh Thang, anh cũng thuộc loại to và cao hơn trung bình một chút . . . nhưng người đàn ông này thì hơi thấp so với anh tôi, gương mặt lại trắng trẻo . . . có vẻ người Hoa hơn là người Việt Nam.

Chẳng còn cách nào nữa, tôi làm bộ bước về phía anh nhưng hơi xéo qua một chút. Khi tôi đi ngang, người đàn ông chợt ngật ngừng nói bang quơ:

“Có phải . . . “

Nghe giọng nói thì tôi nhớ ngay, tôi vội vàng quay người lại:
“Anh Thang . . . có phải anh Thang ra đón em đó không . . . ?”

Anh Thang lúc bấy giờ mới mừng rỡ nắm lấy tay tôi:

“Thảo đó hả . . . em lớn quá . . . anh nhìn không ra . . .”

Hai anh em tôi đã nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi.

Khi anh đi du học được một thời gian thì xảy ra vụ quốc biến, tôi đã nghĩ rằng không bao giờ tôi được gặp lại anh nữa, thế mà hôm nay hai anh em lại gặp nhau . . . thật là mừng hết sức.

Anh Thang cầm hành lý cho tôi đi ra chỗ đậu xe, nói rằng sẽ đưa tôi về trung tâm tạm trú tên là "Enterprise Hostel" ở vùng Springvale.

Tôi ngồi trên xe vừa nói chuyện với anh vừa đưa mắt qua cửa kiếng xe để ngắm nhìn quang cảnh nước Úc. Bao nhiêu năm trời ở Việt Nam, tôi đã quen với những con đường nhỏ hẹp, những con hẻm dài hun hút. Qua bên Hongkong, nhà cửa ở đó còn nhỏ hẹp hơn nữa, đường xá đầy những xe gắn máy, xe hơi và người đi bộ thì đông như kiến . . . Tôi đã thật ngạc nhiên khi thấy quang cảnh ở bên Úc khác hẳn với những nơi tôi đã sống: Những căn nhà tôi vừa mới thấy lướt qua cửa kiếng xe, căn nhà nào cũng thật bự, thật đẹp, có hàng rào bao quanh, giống như những biệt thự ở Quận Nhất hoặc Quận Ba ở Saigon vậy. Xe cộ thì rất nhiều, nhưng toàn là những chiếc xe hơi to lớn và thật là lộng lẫy, chỉ đôi khi tôi mới thấy một chiếc xe gắn máy chạy ngang. Điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất là, xe cộ nhiều như thế mà . . . chẳng có ai bóp kèn xe cả! Xe cộ nối đuôi nhau, tới ngã tư đèn xanh thì chạy, đèn đỏ thì ngừng, chẳng ai đụng chạm gì tới ai cả. Cuối cùng thì tôi phải hỏi anh Thang:

"Anh ơi . . . Xứ Úc ít người thì em cũng có biết . . . nhưng không lẽ người ta ít tới độ . . . không có ai đi bộ ở ngoài đường hết sao?"

Anh Thang cười lớn, giải thích cho tôi nghe:

"Bây giờ đang là mùa đông, lại có mưa nữa, lạnh lắm, chẳng có ai dại gì mà đi bộ cho khổ thân. Hơn nữa, xứ Úc này quá rộng, muốn đi bộ thì chừng nào mới tới nơi! Dân chúng họ quen rồi, đi ra đâu đường mưa tờ báo, mua hộp sữa cũng lái xe đi, không giống như ở Việt Nam hay ở Hongkong đâu."

Theo chương trình của anh Thang, tôi sẽ ở trung tâm tạm trú Enterprise Hostel khoảng một tuần lễ, để anh thu xếp cho tôi chỗ ở tại Nhà Sứ Collingwood, vì tuần sau, anh Thang phải vào nhà cầm cho đến ngày thụ phong Linh Mục. Nghe anh Thang nói trung tâm tạm trú, tôi tưởng tượng ra cái trung tâm tạm trú ở Hongkong, nơi tôi phải đi chợ mua đồ ăn về nấu ăn lấy, nhưng khi đến nơi, tôi mới thấy Enterprise Hostel bao gồm nhiều tòa nhà hai tầng thật rộng lớn và khang trang, chung quanh có vườn cây bao phủ thật là đẹp đẽ. Tôi được đưa vào ở một phòng riêng có giường ngủ trải khăn giường trắng tinh thật là sang trọng. Hàng xóm của tôi vào thời điểm này đa số là dân da trắng từ Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Điển . . . rất ít người Việt Ty Nạn như tôi.

Trải qua một đêm ngủ thẳng giấc trên chiếc giường mà tôi chưa bao giờ nằm mơ được nằm trên một chiếc giường sang trọng như vậy, sáng sớm tôi thức dậy làm vệ sinh cá nhân rồi đi xuống nhà ăn sáng. Ở trung tâm tạm trú mà không phải đi chợ nấu ăn là tôi đã mừng rồi, khi xuống tới nhà ăn, tôi thật chưa bao giờ tưởng tượng được là phòng ăn của một trung tâm tạm trú lại quá to lớn và sạch sẽ như vậy. Tôi được giải thích mỗi người lấy một cái đĩa, cùng nhau xếp hàng đi vòng chung quanh khu đồ ăn, muốn ăn gì cứ việc lấy, ăn hết lấy nữa, không phải chen lấn hay dành dặt với ai hết. Ngồi bàn ăn của trung tâm tạm cư mà tôi cứ tưởng như đang ngồi ở một khách sạn sang trọng vậy.

Tôi vừa ăn xong bữa thì đã nghe trên loa phóng thanh kêu tên tôi lên văn phòng. Anh Thang đã chờ tôi ở đó, nói rằng, anh đã dàn xếp cho tôi về Nhà sứ ở vùng Blackburn, thế là tôi lại thu xếp lên xe đi với anh ngay, chưa kịp làm quen với ai trong trung tâm tạm cư cả.

Hàng ngày, ngoài việc đọc kinh, tôi được các sơ dạy thêm tiếng Anh rồi theo các sơ vào bệnh viện chăm sóc cho những người bệnh.

Tôi được nhận vào sống tại nhà sứ của tổ chức “Daughter of Charity of St. Vincent”

Tôi đã gửi thư về Việt Nam cho cha mẹ tôi biết tin tức, và báo cho cả nhà hay là tôi đã được nhận làm phụ tá cho các y tá của St. Vincent Hospital, ngay kế bên nhà sứ của thành phố, tôi cũng cho mẹ hay là anh Thang đã tìm ra ông bà Tấn, cha mẹ đỡ đầu của mẹ. Ông bà cũng mới được nhận định cư ở Úc, hiện đang ở thành phố Sydney, tôi đã nói chuyện điện thoại với ông bà rồi, và ông bà có mời tôi lên nhà chơi vào dịp lễ Giáng Sinh này. Mẹ mừng quá, vì kể từ khi ông bà Tấn vượt biên vào năm 1978, không ai biết tin tức gì của ông bà cả, cứ nghi rằng họ đã mất tích. Mẹ nhắc tôi và nói khi nào tôi gặp ông bà Tấn, cho mẹ gửi lời hỏi thăm và chúc mừng ông bà đã được định cư ở Úc.

Giáng sinh ở bên Úc lại vào dịp mùa Hè, nên đa số những người đi làm đều được hưởng bốn tuần lễ nghỉ hè. Tôi mới đi làm được có ba tháng mà cũng được hưởng một tuần lễ nghỉ có lương, tôi trích ra một số tiền mua quà tặng ông bà Tấn và ráng học cách làm bánh Giáng sinh để làm chiếc bánh đầu tiên tặng cho ông bà. Vừa làm bánh tôi vừa nhớ lại thời gian ở Việt Nam, nhà của ông bà Tấn không xa nhà chúng tôi cho lắm, nên mỗi khi có thì giờ rảnh, mẹ tôi thường dẫn tôi tới thăm ông bà Tấn, ông bà thương tôi lắm, thường hay để dành quà bánh cho tôi.

Vào thời điểm năm 1980, người Việt tỵ nạn ở Úc chưa đông, nên mỗi khi đi đâu, gặp được một người Việt Nam, dù không quen biết nhau, cũng là một niềm vui, huống chi tôi lại được gặp lại ông bà Tấn là người quen trong nhà coi nhau như ruột thịt. Ngày tôi lên Sydney thăm ông bà Tấn, ông bà đã mừng phát khóc lên, hỏi thăm tôi đủ thứ chuyện. Tôi đã kể lại đầy đủ từ ngày ông bà vượt biên ra sao? Công an đã tới hạch hỏi cô Nhân, em gái của ông bà ra sao? Cô Nhân đã trả lời với họ như thế nào để vẫn được ở lại căn nhà đó . . . cho tới chuyện vượt biên hy hữu của tôi.

Sáng hôm sau, sau khi ăn sáng và dọn dẹp xong, tôi pha cà phê cho ông bà Tấn rồi chạy ra ngoài thùng thư để lấy thư vào đưa cho bà Tấn. Tôi rất ngạc nhiên khi bà Tấn cầm một lá thư, vừa đọc vừa hỏi tôi:

“Ai gửi thơ cho con mà lại gửi tới địa chỉ của bà như thế này nhỉ? Con có quen ai là người Việt Nam, ở Tiểu bang South Australia không?”

Tôi ngạc nhiên vô cùng! Tôi mới tới Úc thôi mà, quen biết nhiều lắm cũng chỉ là một hai Sơ ở trong nhà Dòng mà thôi, lấy đâu ra mà có bạn bè ở tuốt tận Tiểu bang South Australia? Tôi bang khuâng trả lời bà:

“Dạ không! Con chẳng có quen biết ai ở đó cả! Ngay tại Melbourne con cũng chẳng quen ai, nói chi tới quen bạn ở tiểu bang khác. Nếu người nào quen biết con, tại sao họ không gửi cho con theo địa chỉ ở Melbourne mà lại gửi lên đây cho bà? Không ai biết con lên đây thăm bà cả . . . chắc là ai đó gửi thơ cho người chủ cũ ở địa chỉ này, mà tên của họ lại trùng tên với tên của con đó thôi.”

Bà Tấn cũng ngạc nhiên không kém gì tôi, bà đọc lại phong bì một lần nữa:

“Cô Nguyễn Thị Thanh Thảo

1/55 Malvern Street, Marrickville NSW 2011. Kính nhờ Bà Tấn chuyển thư dùm.

À! Bà hiểu rồi . . . người nào đó quen với cháu, biết cháu đã vượt biên qua Úc, nhưng không biết cháu ở đâu, chỉ biết địa chỉ của bà thôi, nên mới gửi thư cho cháu nhờ bà chuyển dùm đó thôi.”

Tôi lại càng thắc mắc hơn:

“Làm sao mà người này biết được tên và địa chỉ của bà? Làm sao người này lại biết con có quen với bà mà gửi thơ cho con để nhờ bà chuyển?”

Ông Tấn đưa tay ra dấu cho bà Tấn trao thơ cho ông để ông đọc. Đọc đi đọc lại vài lần, ông Tấn cười, đưa lá thư cho tôi mà nói:

“Chắc đây là bạn bè của con gửi đó, họ biết cả tên của ông bà, thì chắc cũng là người nhà đấy thôi, con cứ mở thư ra đọc thì biết ngay là ai ngay chứ gì nữa.”

Tôi đón lấy lá thư trong tay ông, xin phép mở ra để đọc cho mọi người cùng nghe:

“Thảo thân mến,

Anh đã vượt biên và may mắn được định cư ở Úc. Anh có gửi thơ về nhà hỏi thăm tin tức của em, anh có viết cho em rằng, nếu vẫn còn chờ anh, anh sẽ cưới em, bảo lãnh cho em qua Úc sống với anh. Mẹ em gửi thơ trả lời, cho hay, em cũng đã vượt biên và sẽ đi định cư ở Úc, nhưng chưa có địa chỉ, cứ gửi thơ cho ông bà Tấn, nhờ chuyển

cho em, thế nào em cũng tới thăm ông bà và cũng được trao lại thư này . . . vì thế anh mới viết thư cho em đây . . . số điện thoại của anh là . . .”

Tôi không đọc tiếp được nữa . . . nước mắt tôi tuôn trào . . . tôi nhắm mắt để lệ tràn trên mặt, áp lá thư lên ngực . . . Anh Đức . . . Anh Đức của tôi vẫn còn sống . . . và tôi đã tìm được anh Đức . . . anh Đức đã tìm được tôi . . .

Một lúc sau tôi mới mở mắt ra, định xin lỗi ông bà Tấn, thì ông bà đã ra ngoài vườn rồi, để giây phút riêng tư cho tôi. Tôi uống hết ly nước lạnh . . . mặc dù nhắm mắt, tôi cũng đã thấy ánh sáng hiện ra ở cuối đường hầm . . . hạnh phúc đã ở trong tầm tay của tôi. Tôi mừng quá, lấy lại bình tĩnh, ngồi xuống đọc hết lá thư của anh Đức, đọc đi đọc lại nhiều lần. Anh không biết là tôi có nhận được thư của anh hay không, nên chỉ viết ngắn gọn báo tin anh đã tới Úc, cho tôi số điện thoại và địa chỉ nhà, nói rõ là anh vẫn chờ tôi, và hỏi tôi . . . có còn nhớ tới lời hứa sẽ chờ anh trở về hay không?

Tôi chạy bay ra vườn, giải thích cho ông bà Tấn biết, anh Đức là người yêu của tôi từ hồi còn ở Việt Nam, chúng tôi thất lạc nhau từ ngày Việt Nam Cộng Hòa thua cuộc chiến. Nay anh cũng đã được định cư ở Úc và gửi thư về nhà xin địa chỉ của tôi, mẹ tôi đã cho địa chỉ của ông bà Tấn vì lúc đó ở nhà chưa có địa chỉ của tôi. Tôi cũng chuyển lời của anh Đức, xin lỗi vì đã đường đột dùng địa chỉ của ông bà mà chưa hỏi trước.

Chần chờ một lúc, tôi muốn xin ông bà Tấn cho phép tôi dùng điện thoại nhà để gọi ngay cho anh Đức, đương nhiên là tôi sẽ hoàn tiền lại cho ông bà . . . nhưng tôi thấy ngại ngại, vì dù sao tôi cũng chỉ đến đây với tư cách thăm viếng mà thôi. Ông bà Tấn thấy tôi đứng lóng nhóng là hiểu ngay, bà Tấn nắm lấy tay tôi xiết mạnh, nhỏ nhẹ nói với tôi:

“Chúc mừng cho cháu đã tìm lại được người cháu thương mến, cứ việc vào trong nhà mà gọi điện thoại cho Đức đi.”

Không trễ một giây, tôi chạy bay vào trong nhà, gọi điện thoại cho Đức ngay lập tức:

-“Hello, tôi là Đức đây . . . ai ở đầu giây đó?”

-“ . . . Anh Đức . . . em là . . . em là Thảo . . .”

—”Thảo . . . có phải là Nguyễn Thị Thanh Thảo . . . Đúng là em rồi Thảo ơi . . . Anh đã tìm em khắp nơi . . . Cảm ơn Thiên Chúa . . . Anh đã tìm được em rồi . . .”

Chúng tôi chỉ nói với nhau được những lời nói đó thôi, rồi cứ cầm cái điện thoại mà khóc với nhau . . .

Lâu lắm . . . mãi sau đó, tôi mới ráng ngừng khóc mà hỏi anh:

“Anh đi đâu mà biệt tăm, em tìm anh khắp nơi, không thấy anh . . . “

“Để anh kể lại cho em nghe nhé . . . em đừng lo gì về thời gian mình nói chuyện bằng điện thoại . . . anh đã đi làm rồi, có để dành tiền rồi, mai một đây anh sẽ giao hết cho em, để em trả tiền cú điện thoại này . . .

Sau khi gặp em ở Ngã Tư Hàng Xanh, anh và toán lính cứ theo lệnh mà kéo nhau về dinh Tổng Thống để bảo vệ cho ông. Dọc đường, hễ cứ thấy xe tăng hoặc xe Motolova của bọn Việt cộng là tụi anh chơi liền, vì rất là gần nhau, nên tụi anh bắn cháy nhiều xe tăng của chúng nó lắm. Tụi nó cũng bắn lại đám của anh, chết cũng vài mạng. Di chuyển tới đầu đường thì ông Thiếu Tá của anh gọi máy, báo là . . . Tổng Thống Minh đã đầu hàng rồi . . . yêu cầu mình buông súng. Anh gác máy, nói lại lời của Thâm Quyền rồi hỏi anh em muốn quyết định như thế nào?

Anh em lại hỏi lại anh:

“Thiếu úy tính sao?”

“Tao không đầu hàng . . . tới luôn . . . còn bao nhiêu đồ chơi, mình chơi xả láng hết, rồi đi về Cần Thơ theo Tướng Nguyễn Khoa Nam.”

Cả đám lính reo hò theo anh, không đầu hàng.

Tụi anh kéo trở lại khu Xa Lộ, hễ gặp xe tăng thì lấy M72 ra mà bắn, gặp đám lính chạy xe thì dùng đại liên mà chơi . . . đũa nào sống thì tiếp tục, đũa nào chết thì thôi. May mắn, tụi anh không có đũa nào bị thương cả, nhưng hết súng hết đạn rồi, chỉ còn lựu đạn. Thấy hết lựu đạn, tụi nó chết dữ lắm, nhưng vẫn cứ tủa ra lùng diết bọn anh, anh em phải lẩn vào nhà dân để trốn. Người dân chung quanh rất thương mến bọn anh đã đánh đến viên đạn cuối cùng, khi họ biết ý định của bọn anh muốn về vùng IV đánh tiếp, họ nói:

“Tụi nó dày đặc ở bên ngoài, Thiếu úy và anh em đi không lọt đâu, hãy thay đồ thường đi, rồi ra bến xe đò mà mua vé, để thoát hơn . . .”

Ngay lúc đó, anh em Nhảy Dù cũng nhập bọn với tụi anh, họ cho anh hay:

“Anh em tôi còn ở Rừng Lá nhiều lắm, một số anh em của Sư Đoàn 18 cũng ở đó, mình trở lại đó dễ hơn, làm mật khu cũng được, rồi sau đó hãy liên lạc với Tướng Nam, cùng đánh lại một lượt . . .”

Thế là bọn anh thay quần áo thường dân, ra ngoài tìm cách về Rừng Lá. Trên đường đi, rất nhiều xe gắn máy bỏ khắp nơi, bọn anh lấy những chiếc xe này, cứ hai ba đứ một xe, xả ga chạy ngược chiều với bọn Việt cộng.

Chạy từ sáng tới chiều, bọn anh mới tới Rừng Lá, anh em Lính Cộng Hòa đủ các binh chủng hy sinh ở đây nhiều lắm, bọn anh gom thân xác họ lại một chỗ để sau này thân nhân đến mà đem thân xác họ về, rồi nhặt nhạnh vũ khí chất đầy lên xe mà chạy vào sâu trong khu rừng lá để tìm những anh em khác.

Mấy ngày hôm sau, bọn Việt cộng mới mở cuộc truy kích bọn anh, anh em dùng chiến thuật du kích để phản công lại và phục kích trên đường bọn chúng rút lui, nên bọn Việt cộng bị thương vong nhiều mà không tiêu diệt được anh em kháng chiến. Khi nghe tin Tướng Nam đã tự sát, bọn anh một số nản lòng, nhưng sau đó lại được tin có một số Linh Mục, trong đó có Cha Vàng, đã tổ chức đoàn quân Phục Quốc, anh em lại lên tinh thần và tìm cách tiếp xúc với anh em kháng chiến quân này.

Linh Mục Nguyễn Văn Vàng.

Dân chúng trong vùng khi biết bọn anh vẫn còn đang chiến đấu, họ đi kiếm súng đạn và mua thực phẩm đem tới cho tụi anh, anh em kháng chiến cũng đã tiếp xúc, tiếp tế thức ăn và cho bọn anh biết tin về cuộc nổi dậy của họ. Cuối năm 1975, bọn anh bí mật rời Rừng Lá về Saigon nhập bọn với anh em Phục Quốc ở Nhà Thờ Vinh Sơn để lập ra nhóm Dân Quân Phục Quốc. Bọn Việt cộng theo dõi bọn anh nhưng không bắt được, đến đầu năm 1976, bọn Việt cộng tấn công nhà thờ, một số anh em bị hy sinh, một số bị bắt.

Anh chạy thoát ra khỏi nhà thờ, tìm cách về nhà, báo cho gia đình và em biết ý định của anh là sẽ tìm đường vượt biên qua Campuchia tới Thái Lan để gia nhập tổ chức Phục Quốc của Phó Đê Đốc Hoàng Cơ Minh, và để tùy em quyết định về tương lai. Nhưng bọn Việt cộng theo dõi dữ quá, anh không dám về nhà, nên đã phải xuống Châu Đốc, tìm đường qua Campuchia và qua Thái Lan gia nhập Lực Lượng Phục Quốc.

Ở trại tỵ nạn, anh được một số anh em giới thiệu gia nhập Lực Lượng Phục Quốc và được hứa sẽ trở lại Việt Nam lấy lại đất nước. Nhưng không biết vì lý do nào đó, toán phục quốc không trở lại trại tỵ nạn. Khi phái đoàn Mỹ tới phỏng vấn, anh không muốn đi Mỹ sống với người Đồng Minh đã phản bội mình, chợt nhớ lại là khi mình còn bên nhau, em rất thích xứ Úc, vì nói rằng đây là một Xứ sở hiền lành, nên anh đã xin đi Úc với ý định là nếu được chấp nhận cho định cư, anh sẽ gửi thơ về xin bảo lãnh em qua Úc.

Anh định cư tại Úc vào tháng 5 năm 1979, ránh lục lợi trí nhớ để nhớ lại địa chỉ của em ở nhà để gửi thư về hỏi thăm em. Gia đình em báo rằng em cũng đã vượt biên, nghe nói sẽ tới Úc nhưng chưa có địa chỉ, anh Thang thì ở trong chủng viện, khó liên lạc, nên Mẹ em mới cho anh địa chỉ của ông bà Tiến, nói rằng cứ viết thư về đó, khi em tới Úc, chắc chắn em sẽ liên lạc với ông bà Tiến, và sẽ nhận được thư của anh . .

Trời không phụ lòng anh . . . anh đã tìm được em . . . cho anh địa chỉ, anh sẽ tới gặp em ngay . . . mình sẽ nói chuyện nhiều hơn . . . “

Sau lễ Giáng Sinh, buổi trưa tôi trở về Melbourne, anh Đức đã bay xuống gặp tôi ngay buổi chiều . . . câu chuyện hàn huyên của chúng tôi tưởng chừng như bất tận.

Khi anh Đức hỏi tôi . . . có đồng ý lấy anh không? Tôi trả lời anh:

“Anh đã hỏi em câu này từ đầu năm 1975, em đã đồng ý và anh đã nói với em là ránh chờ đợi cho tới ngày anh trở lại, anh sẽ cưới em . . . Bây giờ anh đã trở lại rồi, thì nhiệm vụ của anh là làm theo lời anh đã hứa chứ còn phải hỏi gì nữa!”

Nhưng mà trước khi lập gia đình, phải lo sửa soạn cho gia đình đã chứ!

Tôi được chấp nhận cho đi học khóa “Banking Adviser” rồi đi làm cho Ngân hàng,

Anh Đức ghi danh học về Computer ở Melbourne Uni.

Chúng tôi làm đám cưới vào tháng Tư năm 1981.

Viết theo lời kể của cô Cổ Hy Khoan thứ hai.

Tên và những chi tiết cá nhân đã được thay đổi.

Ghi chú: Gia đình Ba Má Cổ đều định cư ở Hoa Kỳ, hiện đang làm chủ một công ty sản xuất Nước Tương rất nổi tiếng. Hai cô họ CỔ đã gặp nhau và vẫn liên lạc và gặp nhau thường xuyên cho tới nay.